

Bản án số: **71/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 17/7/2024

Về việc: “*Không công nhận
quan hệ vợ chồng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Lợi;
- Ông Võ Văn Hoàng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Minh Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 253/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 123/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà Trần Thị L có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 11/6/2024.

- *Bị đơn:* Ông **Đặng Văn L1**, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn xin ly hôn đề ngày 13/5/2024, Bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 11/6/2024, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày như sau:

Bà và ông Đặng Văn L1 quen biết nhau, tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới vào năm 1995, ông bà sống chung với nhau từ đó đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nên dần dần tình cảm vợ chồng phai nhạt. Ông bà đã ly thân nhau, không còn tiếng nói chung từ tháng 01/2023 cho đến nay. Nay, bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Văn L1.

- Về con chung: Quá trình sống chung, ông bà có 02 con chung tên Đặng Thiên H, sinh ngày 28/9/1998 và Đặng Bảo K, sinh ngày 11/11/2002. Hiện con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tổng đạt hợp lệ cho ông Đặng Văn L1 các văn bản tố tụng nhưng ông L1 vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án mặc dù ông vẫn còn sinh sống tại địa phương nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông Đặng Văn L1.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu xin “Ly hôn” với ông Đặng Văn L1 nhưng không có đăng ký kết hôn với bà L. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Đặng Văn L1 có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại Ấp A, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đặng Văn L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, bà Trần Thị L vắng mặt và có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề

ngày 11/6/2024. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị L khai có sống chung như vợ chồng với ông Đặng Văn L1 từ năm 1997 nhưng cho đến thời điểm hiện tại ông bà vẫn không có đăng ký kết hôn, vì vậy không có Giấy đăng ký kết hôn để giao nộp cho Tòa án.

Thấy rằng, bà Trần Thị L có quê quán tại xã T, huyện B và ông Đặng Văn L1 có quê quán tại thị trấn C, huyện B. Căn cứ vào Đơn xin xác nhận đề ngày 26/10/2023 của Ủy ban nhân dân xã T và Đơn xin xác nhận đề ngày 11/6/2024 của Ủy ban nhân dân thị trấn C đã xác nhận: Bà Trần Thị L, sinh năm 1975 và ông Đặng Văn L1, sinh năm 1977 qua kiểm tra sổ bộ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và Ủy ban nhân dân thị trấn C thì không có tên của bà Trần Thị L và ông Đặng Văn L1.

Từ những cơ sở nêu trên, xác định được bà Trần Thị L và ông Đặng Văn L1 sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1997 cho đến nay nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định.

Bà Trần Thị L và ông Đặng Văn L1 có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, lẽ ra ông bà phải thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn nhưng ông bà không thực hiện. Cho nên căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ giữa bà Trần Thị L và ông Đặng Văn L1 là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Như vậy, về cơ sở pháp lý không công nhận mối quan hệ giữa bà Trần Thị L và ông Đặng Văn L1 là vợ chồng.

[5] Về con chung: Bà Trần Thị L và ông Đặng Văn L1 có 02 con chung tên Đặng Thiên H, sinh ngày 28/9/1998 và Đặng Bảo K, sinh ngày 11/11/2002. Hiện các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xét đến.

[6] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[7] Về nợ chung: Bà Trần Thị L khai không có nên không xét đến.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị L và ông Đặng Văn L1.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị L khai không có nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005731 ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Vậy, bà Trần Thị L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị L và ông Đặng Văn L1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Thạnh Phước;
- UBND thị trấn Cành Đại;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Long Hồ